

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 43 /2017/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “**Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh**”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, Giám đốc các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thi hành);
- Lưu VT, HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Ngọc Khanh

**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 7 năm 2017)

**CHƯƠNG I:
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế Công bố thông tin này (sau đây viết tắt là Quy chế) quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin tại Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh (sau đây viết tắt là Công ty).
2. Quy chế này được áp dụng đối với Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin, Người nội bộ của Công ty và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2: Mục đích của việc công bố thông tin

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động kinh doanh của Công ty, giúp các nhà đầu tư, khách hàng nắm được thực trạng hoạt động của Công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét đặt các quan hệ kinh tế, giao dịch với Công ty; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và những người liên quan đến Công ty, đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công ty” là Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh;
2. “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
3. “Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin” bao gồm:
 - a) Nhà đầu tư là người nội bộ của công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty;
 - c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của công ty;
 - d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty.
4. “Người nội bộ của công ty” là:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên Ban kiểm soát;

- c) Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
- d) Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người phụ trách kế toán;
- đ) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
5. “*Công bố thông tin định kỳ*” là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật;
 6. “*Công bố thông tin bất thường*” là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường;
 7. “*Công bố thông tin theo yêu cầu*” là việc Công ty công bố thông tin khi có yêu cầu của UBCKNN hoặc theo yêu cầu của nơi cấp phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung;
 8. “*Ngày công bố thông tin*” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.
 9. “*Ngày báo cáo về việc công bố thông tin*” là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.
 10. “*Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán*” được xác định như sau:
 - a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán/ tại Công ty trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
 11. “*Sổ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết*” là sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
 12. “*Báo cáo Thường niên*” là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty được lập hàng năm và công bố theo định kỳ;
 13. “*UBCKNN*” là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước;
 14. “*SGDCK*” là Sở Giao dịch chứng khoán, nơi cấp phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung.
 15. “*Tổ chức đăng ký giao dịch*” là tổ chức có chứng khoán đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở giao dịch chứng khoán.
 16. “*Tổ chức niêm yết*” là tổ chức có cấp phiếu niêm yết trên SGDCK.
 17. “*Tổ chức kiểm toán được chấp thuận*” thực hiện kiểm toán là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị được kiểm toán.

Điều 4: Nguyên tắc thực hiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:
 - a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
 - b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý.
2. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.
3. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
 - b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.
4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 5: Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc có quyết định bằng văn bản về việc ủy quyền cho 01 người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin.
 - a) Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì 01 Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền của Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;
 - b) Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy chế này cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quy chế này cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:
 - a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo “Phụ lục số 03: Bản cung cấp thông tin” ban hành kèm theo Quy chế này và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;
 - b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;
Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo “Phụ lục số 02: Giấy ủy quyền công bố thông tin” ban hành kèm theo Quy chế này cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quy chế này cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.
3. Người công bố thông tin/người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo các nội dung quy định tại Quy chế này và Thông tư 155/2015/TT-BTC. Trường hợp người công bố thông tin/người được ủy quyền công bố thông tin công bố các thông tin không được quy định tại Quy chế này và Thông tư 155 thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và trước Pháp luật.

Điều 6: Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:
 - a) Trang thông tin điện tử (Website) và/hoặc các ấn phẩm khác của Công ty (nếu có);
 - b) Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: trang thông tin điện tử, bản tin và các ấn phẩm khác của UBCKNN;
 - c) Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: bản tin thị trường chứng khoán, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;
 - d) Các phương tiện công bố thông tin của TT LKCK bao gồm: trang thông tin điện tử, bản tin và các ấn phẩm khác của TT LKCK;
 - d) Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).
2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
3. Công ty phải lập trang thông tin điện tử (Website) của mình. Trang thông tin điện tử phải có các chuyên mục về quan hệ cổ đông, trong đó phải có Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính định kỳ phải công bố theo quy định và các vấn đề liên quan đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, trang thông tin điện tử phải thường xuyên cập nhật các thông tin phải công bố theo quy định. Công ty phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này.
4. Công ty phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

- a) Công ty phải lập trang thông tin điện tử trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày trở thành công ty đại chúng;
 - b) Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
 - c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Quy chế này;
 - d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
5. Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.
 6. Sau khi thực hiện niêm yết, đăng ký giao dịch; công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.
 7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, đối tượng nêu tại khoản 3 và 4 Điều này thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
 8. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK.

Điều 7: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Điều 8: Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị theo nguyên tắc sau:

- a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty là công ty mẹ của một tổ chức khác, công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty là doanh nghiệp cấp trên có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì phải công bố báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của công ty;

- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

Trường hợp công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của công ty cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

2. Báo cáo tài chính bán niên:

- a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

- b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

3. Báo cáo tài chính quý:

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

Trường hợp công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp thì UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp Công ty có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.

6. Báo cáo thường niên:

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

7. Báo cáo tình hình quản trị Công ty:

Định kỳ 06 tháng và năm, Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Quy chế này. Thời hạn công bố

thông tin Báo cáo tình hình quản trị Công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

8. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

- b) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- c) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

9. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

- a) Khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán;
- b) Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, tổ chức phát hành phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phân vốn góp.

10. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, của UBCKNN và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 9: Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;
 - b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;
 - c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
 - d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
 - đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
 - e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
 - h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;
 - i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;
 - k) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

- l) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
- Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;
- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán; Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.
- m) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung;
- n) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quy chế này;
- o) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
- p) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;
- q) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.
- Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- r) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.
- t) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.
- u) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của

Công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

- v. Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 8 Quy chế này;
 - b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo UBCKNN, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:
 - a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
 - b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
 - c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 10: Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:
 - a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11: Công bố thông tin khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

Khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 8,9,10 Quy chế này.

Điều 12: Công bố thông tin khi công bố thông tin trái phiếu doanh nghiệp

1. Công ty phát hành trái phiếu ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.
2. Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, cụ thể như sau:
 - a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Quy chế này.

Trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho các dự án đầu tư cụ thể đã xác định, định kỳ 06 tháng kể từ tháng có ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc khi đã giải ngân hết số tiền đã huy động, Công ty phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 06 tháng). Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận;

- b) Công bố thông tin bất thường theo quy định tại điểm a, b, e, h và r khoản 1 Điều 8 Thông tư này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).

Trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản cáo bạch, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về lý do và quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần) về sự thay đổi đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn;

- c) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;
 - d) Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 13: Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Quy chế này kể từ thời điểm có tên trong danh sách công ty đại chúng quy mô lớn do Trung tâm lưu ký chứng khoán công bố.
2. Trong vòng 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán công bố, Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải báo cáo về sở hữu cho công ty, UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) theo “Phụ lục 06: Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn” kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn.
2. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm... hoặc không thực hiện giao dịch cổ phiếu) phải thực hiện báo cáo trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo “Phụ lục 07: Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn” kèm theo Quy chế này cho Công ty, UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch).
3. Thời điểm bắt đầu/kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (5%) số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính như sau:
 - 3.1. Trường hợp giao dịch được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc kết thúc chu kỳ thanh toán giao dịch;
 - 3.2. Trường hợp giao dịch không được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc việc chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất tại TTLKCK;
 - 3.3. Trường hợp thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: thời điểm được tính kể từ lúc công ty đại chúng hoàn thành đợt chào bán.

Điều 15: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan

1. Cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này khi dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu ...) phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn giao dịch không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK. Nội dung báo cáo theo quy định tại “Phụ lục 10: Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan” và “Phụ lục 11: Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan” kèm theo Quy chế này.
2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch về kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu/ quyền mua cổ phiếu theo “Phụ lục 12: Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan” và “Phụ lục 13: Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan” kèm theo Quy chế này.

3. Trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về lý do không thực hiện được giao dịch.
4. Cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải thực hiện giao dịch đúng thời gian giao dịch như đã đăng ký với UBCKNN, SGDCK và không được đăng ký mua và bán cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu của tổ chức niêm yết trong cùng một khoảng thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
5. Trường hợp cổ đông nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với cổ đông nội bộ.

Điều 16: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và công ty đại chúng bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Điều 17: Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ của công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

CHƯƠNG IV: CÔNG TÁC XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN CÔNG BỐ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 18: Chuyên giao thông tin trong nội bộ

1. Vào thời điểm kết thúc quý hay kết thúc năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định và các trường hợp nêu tại Điều 8, 9 và 10 của Quy chế này, Người công bố thông tin thông báo tới các bộ phận có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố của Công ty.
2. Các bộ phận có liên quan phải lập báo cáo và gửi đến Nhân viên tổng hợp thông tin trong thời hạn không quá 2/3 thời gian mà Công ty phải công bố; việc xác định thời hạn này được tính theo thời gian cụ thể của từng trường hợp công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu.
3. Báo cáo do các bộ phận có liên quan được lập thành văn bản có ký xác nhận nội dung của cá nhân thực hiện hoặc đại diện phụ trách bộ phận.
4. Các bộ phận có liên quan trực tiếp nộp báo cáo cho Người công bố thông tin và Người công bố thông tin có trách nhiệm đảm bảo thực hiện việc công bố thông tin đúng quy định.

Điều 19: Công tác xử lý thông tin

1. Các bộ phận liên quan phải:
 - a) Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
 - b) Soạn thảo văn bản công bố thông tin theo mẫu quy định;
 - c) Trình Người công bố thông tin duyệt các nội dung.

2. Người công bố thông tin trực tiếp phê duyệt văn bản công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này.

Điều 20: Gửi văn bản công bố thông tin

1. Người công bố thông tin gửi văn bản công bố thông tin theo quy định đến UBCKNN và SGDCK hoặc đăng tải trên các báo, bản tin thị trường chứng khoán đúng thời hạn. Nội dung thông tin phải cung cấp và được phép cung cấp đối với từng hình thức công bố (định kỳ, bất thường, theo yêu cầu) được quy định tại Quy chế này.
2. Văn bản công bố thông tin nếu đồng thời được gửi đến nhiều nơi thì phải được gửi đến UBCKNN, SGDCK trước khi công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 21: Lập hồ sơ lưu trữ thông tin

1. Các bộ phận có liên quan khi cung cấp thông tin cho Người công bố thông tin phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình với thời gian lưu trữ phù hợp với các quy định tại Quy chế này.
2. Nhân viên tổng hợp thông tin sau khi tiếp nhận các báo cáo từ các bộ phận liên quan phải lập hồ sơ cho từng sự kiện kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đã công bố để lưu giữ tại Công ty để kiểm tra, đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

CHƯƠNG V: CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 22: Đối tượng cung cấp

1. Ngoại trừ việc cung cấp thông tin theo quy định tại Chương II, III của Quy chế này hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật, Công ty sẽ cung cấp thông tin theo đề nghị của bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào quan tâm đến thông tin của Công ty và phải trả một khoản phí hợp lý theo quy định của Công ty.
2. Việc cung cấp thông tin cho các đối tượng tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện nếu việc cung cấp thông tin không làm phương hại hoặc ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, đồng thời tuân thủ đúng các nghĩa vụ, trách nhiệm của Công ty (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 23: Yêu cầu cải chính thông tin

1. Công ty có quyền yêu cầu cải chính thông tin đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào phát ngôn, đăng tải, sử dụng thông tin không đúng sự thực hoặc sai lệch về Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người có quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan cải chính thông tin.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 24: Cam kết của Công ty

Công ty cam kết:

1. Công bố thông tin theo quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật;
2. Không công bố những thông tin sai sự thật;

3. Không thay đổi nội dung những thông tin đã công bố mà không giải thích và báo cáo UBCKNN, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, SGDCK;
4. Không công bố những thông tin thuộc danh mục bảo mật theo quy định của pháp luật và Công ty.

Điều 25: Hiệu lực, sửa đổi và bổ sung Quy chế

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày HĐQT ký quyết định ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện việc công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.
3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đỗ Ngọc Khanh

PHỤ LỤC SỐ 01

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:, ngày ... tháng năm

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin):

- Tên giao dịch của công ty: *Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh*
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Fax: Email: - Website:

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”):

- Ông (Bà):
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp Nơi cấp
- Địa chỉ thường trú:
- Chức vụ tại tổ chức, công ty:

III. Nội dung ủy quyền:

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A.
- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của..... (Tên tổ chức, công ty).

**BÊN A
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)**

Tài liệu đính kèm:

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục 3.

PHỤ LỤC SỐ 02

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

1. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ công bố thông tin)

- Ông (Bà):
- Quốc tịch:.....
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp Nơi cấp
- Địa chỉ thường trú/ địa chỉ liên hệ:
- Mã số giao dịch (đối với NĐTNN):
- Các tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có):

2. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”):

a) Trường hợp tổ chức được chỉ định, ủy quyền thực hiện công bố thông tin:

- Tên tổ chức:
- Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc):
- Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp..... nơi cấp.....
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức/Tên của cá nhân mà tổ chức đó chỉ định thực hiện việc công bố thông tin:

b) Trường hợp cá nhân được ủy quyền thực hiện công bố thông tin:

- Ông (Bà):
- Quốc tịch:
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp..... Nơi cấp
- Địa chỉ thường trú:
- Nghề nghiệp, nơi công tác, địa chỉ nơi công tác:

- Chức vụ tại tổ chức, công ty nơi công tác:

III. Nội dung ủy quyền

Bằng giấy ủy quyền này: bên A ủy quyền cho bên B làm “Người công bố thông tin của bên A”. Bên A có trách nhiệm cung cấp thông tin về giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của mình cho bên B và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác đối với thông tin cung cấp cho bên B. Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến các giao dịch của bên A theo quy định pháp luật.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày..... đến ngày..... hoặc đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của bên A.

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

PHỤ LỤC SỐ 03

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán

- 1/ Họ và tên: 2/ Giới tính:
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 4/ Nơi sinh:
- 5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp..... Nơi cấp
- 6/ Quốc tịch:..... 7/ Dân tộc:
- 8/ Địa chỉ thường trú:
- 9/ Số điện thoại: 10/ Địa chỉ email:
- 11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin:
- 12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- 13/ Số CP nắm giữ:, chiếm% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:
+ Cá nhân sở hữu:
- 14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):
- 15/ Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân/tổ chức/	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng (nếu có):

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH
Năm báo cáo.....

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Vốn điều lệ:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Số fax: Website:
- Mã cổ phiếu (nếu có):

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Số lượng cán bộ, nhân viên (Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu thuần			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.....

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:.....

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc). Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

PHỤ LỤC SỐ 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị về công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(6 tháng/năm)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tên công ty:
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại: Fax:..... Email:
- Vốn điều lệ:
- Mã chứng khoán:

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT)

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
	Ông/Bà ...					

2. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
	Ông/Bà					

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có):

IV. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do

Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp,	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT thông qua (nêu rõ	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao	Ghi chú

			nơi cấp			ngày ban hành)	dịch	

Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) điều hành.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) điều hành.

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm).

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Tên người nội bộ							
	Tên người có liên quan của người nội							

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	bộ							
	...							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

Stt.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu				Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Đầu kỳ		Cuối kỳ		
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác

CHỦ TỊCH HĐQT
(Ký tên và đóng dấu)

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ:

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu của người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch:

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

10. Lý do thay đổi sở hữu:
11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu:
12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có):

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 08

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị về công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY CỔ
PHẦN CẢNG QUẢNG NINH VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:
- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại : Fax: Email: Website:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng :
2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng):
- Họ và tên người nội bộ:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:
- Địa chỉ thường trú:
- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):
3. Mã chứng khoán giao dịch:
4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3/: tại công ty chứng khoán

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:.....
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi:.....
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:.....
.....
8. Mục đích thực hiện giao dịch:.....
9. Phương thức giao dịch:
10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 09

THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị về công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:
- Quốc tịch:.....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp:
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax :..... Email: Website:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng:

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng):

- Họ và tên người nội bộ:
- Quốc tịch:.....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Điện thoại liên hệ:Fax:.....Email:.....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):

3. Mã chứng khoán giao dịch:.....

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3/..... tại công ty chứng khoán
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:.....
6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có:
7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi):
8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (*đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi*) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
9. Tổng số lượng cổ phiếu/ trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:
10. Phương thức giao dịch:
11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày.....đến ngày.....

(*) Là số cổ phiếu dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng cổ phiếu dự kiến mua là 200

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị về công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax: Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng:

- Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có): và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng:(nêu rõ lý do) *:

**: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng):

- Họ và tên người nội bộ:

- Quốc tịch:.....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:.....

- Địa chỉ thường trú:.....

- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng:
- Mọi quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):
- 3. Mã chứng khoán giao dịch:.....
- 4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3/:..... tại công ty chứng khoán:.....
- 5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:.....
- 6. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng
- 7. Số lượng cổ phiếu đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi) **
- 8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:.....
- 9. Phương thức giao dịch:
- 10. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày..... đến ngày

** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/ người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 11

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI; QUYỀN MUA CỔ PHIẾU TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị về công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI; QUYỀN MUA CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:
 2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:
 - Quốc tịch:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp.
 - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Fax:..... Email: Website:
 - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng:
 - Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có):..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng: (nêu rõ lý do) *:
- *: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng).*
2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng):
 - Họ và tên người nội bộ:
 - Quốc tịch:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:
 - Địa chỉ thường trú:

- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:.....
- Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch:.....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):
- 3. Mã chứng khoán giao dịch:
- 4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3/..... tại công ty chứng khoán.....
- 5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi:
- 6. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:.....
- 7. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
- 8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
- 9. Số lượng cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:.....
- 10. Phương thức giao dịch:
- 11. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày

** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)